

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1015/2020/DS-PT

Ngày: 06/11/2020

Vv Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản
ủy quyền và tranh chấp yêu cầu hủy
hợp đồng tặng cho tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Huyền
2/ Bà Trịnh Thị Ánh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yên- Cán bộ Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn
Văn Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2020/TLPT-DS
ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản ủy quyền
và tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 169/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5376/2020/QĐ-PT ngày
23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Trẻ Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/7/2005 (vắng mặt).

2. Trẻ Nguyễn Minh N', sinh ngày 13/4/2012 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có
mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 115/9 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M - Luật sư Văn phòng luật sư HM, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trương Minh H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 170 đường D, phường TX, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hà Trọng Đ và ông Hà Văn E – Luật sư Công ty luật hợp danh TL - thuộc Đoàn luật sư Hà Nội (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Văn phòng Công chứng CT.

Địa chỉ: Số 298 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Đình O, sinh năm 1952

2/ Bà Trương Thị M, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: 115 Đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ kiện, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Phan Thị Ngọc T trình bày: Ngày 01/6/2018, Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật cho Trẻ Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/7/2005 và Trẻ Nguyễn Minh N', sinh ngày 13/4/2012 ký Giấy ủy quyền số công chứng 010329, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng CT, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ủy quyền cho Ông Nguyễn Trương Minh H với nội dung: Ông H được quyền thay mặt và nhân danh cho bà T và các con liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu liên quan đến tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 516, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại địa chỉ: số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng tặng cho ngày 01/6/2018 mà Ông H đã ký cho các con của ông tại Phòng Công chứng CT. Ngoài ra trong phạm vi ủy quyền Ông Nguyễn Trương Minh H được quyền

nhận bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các giấy tờ liên quan (nếu có) đối với tài sản nêu trên. Tuy nhiên, Ông H không thực hiện công việc theo ủy quyền, hành vi của Ông H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và các con.

Do đó, bà T đại diện cho các con yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy ủy quyền số công chứng 010329, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng CT chứng nhận ngày 01/6/2018 giữa Trẻ Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/7/2005, Trẻ Nguyễn Minh N', sinh ngày 13/4/2012 do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật và Ông Nguyễn Trương Minh H. Yêu cầu Ông Nguyễn Trương Minh H giao trả bản chính các giấy tờ: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00671 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/7/2010 đối với nhà đất tại địa chỉ: số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc số 5584/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2007 đối với căn nhà đất tại địa chỉ: số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn là Ông Nguyễn Trương Minh H trình bày: Ông H xác nhận có ký Giấy ủy quyền số 010329 quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 tại Văn phòng Công chứng CT, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà T và các con thay mặt và nhân danh cho bà T và các con ủy quyền cho ông, để ông thực hiện nội dung ủy quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu liên quan đến tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 516, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại địa chỉ: số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng tặng cho ngày 01/6/2018 mà ông đã ký cho các con của ông tại Phòng Công chứng C.T. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện nội dung ủy quyền do ông không có sự tin tưởng đối với bà T nên ông không tiếp tục thực hiện công việc theo nội dung ủy quyền, không đồng ý trả lại 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ông H đồng ý với yêu cầu của bà T trong trường hợp bà T cũng ký hợp đồng tặng cho phần tài sản của bà T đối với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất tại địa chỉ: số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất tại địa chỉ: Số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con.

Ngoài ra, ngày 29/11/2019 Ông Nguyễn Trương Minh H có Đơn yêu cầu phản tố nội dung: ngày 01/6/2018 Ông Nguyễn Trương Minh H có ký Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (một phần) số công chứng

010327, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với nhà đất số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (một phần) số công chứng 010328, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với nhà đất số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do Văn phòng Công chứng CT chứng nhận có nội dung ông tặng cho phần sở hữu của ông đối với 02 tài sản nêu trên cho các con Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T đại diện đến khi các con trưởng thành. Nay ông cho rằng bà T có ý định muốn bán và thế chấp 02 tài sản nêu trên sau khi ông thực hiện thủ tục sang tên cho các con nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 02 Hợp đồng tặng cho tài sản nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng CT, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có Đơn đề nghị vắng mặt có ý kiến: Văn phòng Công chứng CT, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Dương Thị C' đại diện theo pháp luật xác nhận ngày 01/6/2018 có chứng nhận các văn bản sau: Giấy ủy quyền số 010329 quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 giữa người ủy quyền là Trẻ Nguyễn Minh N và Trẻ Nguyễn Minh N', có Bà Phan Thị Ngọc T là người đại theo pháp luật và người nhận ủy quyền là Ông Nguyễn Trương Minh H và Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (một phần) số công chứng 010327, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với nhà đất số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (một phần) số công chứng 010328, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với nhà đất số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung Ông Nguyễn Trương Minh H tặng cho toàn bộ phần sở hữu tài sản của mình đối với 02 tài sản là nhà đất nêu trên cho các con Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T đại diện đến khi các con trưởng thành.

Văn phòng Công chứng CT xác định việc chứng nhận Giấy ủy quyền và các Hợp đồng tặng cho nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Người làm chứng ông Nguyễn Đình O và Bà Trương Thị M, tại Giấy cam kết đề ngày 30/9/2020 trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của Ông H. Thửa đất số 516, tờ bản đồ số 78, Phường M2, quận B thuộc quyền sử dụng của ông bà. Ngày 19/01/2009 ông bà tặng cho phần đất này cho vợ chồng Ông H và bà T. Ông bà xác định không cho riêng Ông H phần đất này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 169/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận B và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 43/2020/QĐ-SCBSBA ngày 27/7/2020 đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117; Điều 119; Điều 457; Điều 459; Điều 569; Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 55 của Luật Công chứng năm 2014.

- Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trê Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật về việc yêu cầu: Hủy Giấy ủy quyền số công chứng 010329, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng CT chứng nhận ngày 01/6/2018 giữa Trê Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật và Ông Nguyễn Trương Minh H.

Buộc Ông Nguyễn Trương Minh H phải trả lại cho nguyên đơn Trê Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00671 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/7/2010 đối với thửa đất số 516, tờ bản đồ số 78, tại địa chỉ số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc số 5584/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2007 đối với nhà đất số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu Ông Nguyễn Trương Minh H không trả các giấy chứng nhận cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục làm Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn- Ông Nguyễn Trương Minh H về việc yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho số công chứng 010327, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Hợp đồng số công chứng 010328, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do Văn phòng Công chứng CT chứng nhận giữa Ông Nguyễn Trương Minh H và Trê Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trương Minh H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0025246 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trương Minh H còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Ngọc T không phải chịu án phí. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Phan Thị Ngọc T là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0001886 ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2020 bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là Bà Phan Thị Ngọc T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu phản tố của Ông H và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất toàn bộ ý kiến của nguyên đơn với lý do: Ông H đã không thực hiện nghĩa vụ được ủy quyền theo Giấy ủy quyền và tại hai hợp đồng tặng cho đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Không có việc vi phạm về chủ thể hay nhầm lẫn như phía bị đơn trình bày. Bà T là người đại diện đương nhiên của hai Trẻ N và Ngọc theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 010328 và 010327 vô hiệu, các phần khác của bản án không kháng cáo.

Ông H trình bày tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho nhà, đất cho hai con thì ông và bà Phan Thị Ngọc T chưa ly hôn. Giữa hai bên không có thỏa thuận hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bà T là người đại diện duy nhất cho hai con chưa thành niên. Đối với thửa đất số 516, tờ bản đồ số 78, Phường M2, quận B có nguồn gốc của Ông Nguyễn Đình O và Bà Trương Thị M là cha mẹ của ông tặng cho riêng ông, vào năm 2009, tại thời điểm tặng cho vợ chồng ông không có thỏa thuận nào về việc nhập tài sản này là tài sản chung vợ chồng. Năm 2010 vợ chồng ông xây dựng nhà trên đất. Sau đó ông được cấp GCN quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số BB 764653, sổ vào sổ CH00671 ngày 8/7/2020. Năm 2014 - 2015 vì có nhu cầu vay vốn ông

thể chấp nhà cho Ngân hàng TMCP T1. Do yêu cầu của Ngân hàng nên bà T cùng ký tên trên hợp đồng thế chấp tài sản nhưng giữa ông và bà T cũng không ký thỏa thuận nhập vào tài sản chung của vợ chồng. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số 010328 xác nhận ông và bà T là đồng sử dụng, sở hữu đối với tài sản trên là có sự nhầm lẫn làm mục đích xác lập hợp đồng của ông không đạt được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất toàn bộ ý kiến của nguyên đơn và trình bày quan điểm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 010328 và 010327 vô hiệu theo quy định tại các Điều 73 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 1 Điều 136, khoản 4 Điều 141 và Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015. Ngoài ra, Hợp đồng tặng cho số 010328 không xác định phần tặng cho cụ thể nên mục đích tặng cho không thể đạt được và không thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn theo Điều 126, Điều 407 Bộ luật Dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về hình thức: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thực hiện các quyền và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân quận B đưa vụ án ra xét xử ngày 13/7/2020 đến ngày 22/7/2020 bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H có đơn kháng cáo là trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm về yêu cầu phân tố của bị đơn, yêu cầu tuyên hai Hợp đồng tặng cho số 010328 và 010327 ngày 01/6/2018 do Văn phòng Công chứng CT công chứng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Xét, hai hợp đồng tặng cho nói trên có hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 402, 427 của Bộ luật Dân sự, ký kết hợp đồng theo quy định, bên tặng cho tự nguyện không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, các trang của Hợp đồng đều có các đương sự ký xác nhận. Ý kiến của bị đơn cho rằng hợp đồng vô hiệu nhưng không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cho quan điểm của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho với hai nội dung, Hợp đồng tặng cho 010327 là tài sản Ông H được tặng cho riêng không phải là tài sản chung của vợ chồng và nội dung hợp đồng tặng cho không xác định diện tích, vị trí tặng cho. Đồng thời, Hợp đồng tặng cho là cho chính mình không có văn bản đồng ý cho bà T là đại diện theo pháp luật của hai Trẻ N và Ngọc.

Xét, nguồn gốc phần đất số 516 tờ bản đồ số 18 do cha mẹ cho Ông H và bà T trong quá trình chung sống, hai vợ chồng đã xây nhà và cùng đưa vào giao dịch phục vụ cho mục đích sinh hoạt gia đình.

Tại Hợp đồng tặng cho Ông H xác định ý chí tự nguyện tặng cho các con phần sở hữu của mình điều này phù hợp với ý chí của ông Thơ và bà Nhỏ (cha mẹ Ông H). Do đó, Ông H cho rằng bị nhầm lẫn là không có cơ sở.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân quận B đưa vụ án ra xét xử ngày 13/7/2020 đến ngày 22/7/2020 bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H có đơn kháng cáo là trong hạn luật định. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phan Thị Ngọc T đại diện theo pháp luật của các Trẻ Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' khởi kiện tranh chấp yêu cầu hủy Giấy ủy quyền công chứng đối với Ông Nguyễn Trương Minh H, địa chỉ: số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Ông Nguyễn Trương Minh H có yêu cầu phản tố đề nghị hủy Hợp đồng tặng cho tài sản đối với Bà Phan Thị Ngọc T, địa chỉ: Số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng. Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với các đương sự theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng CT và người làm chứng Ông Nguyễn Đình O và Bà Trương Thị M có văn bản đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1.1] Về yêu cầu khởi kiện hủy Giấy ủy quyền của nguyên đơn:

Xét, tính hợp pháp của Giấy ủy quyền ngày 01/6/2018 giữa trẻ Nguyễn Minh N, sinh ngày 16/7/2005, trẻ Nguyễn Minh N' sinh ngày 13/4/2012 do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật và Ông Nguyễn Trương Minh H.

Về hình thức: Giấy ủy quyền giao kết bằng văn bản được Văn phòng Công chứng CT chứng thực số: 010329 quyển số 07/TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 01/6/2018 chỉ có chữ ký của Bà Phan Thị Ngọc T, không có chữ ký của bên nhận ủy quyền là ông Nguyễn Trương Minh H.

Về nội dung: Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật cho Trẻ Nguyễn Minh N và Trẻ Nguyễn Minh N' lập Giấy ủy quyền cho Ông Nguyễn Trương Minh H với nội dung: Ông H được quyền thay mặt và nhân danh cho bà T và các con liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để nộp, nhận và bổ sung hồ sơ liên quan đến việc kê khai và nộp các loại thuế, phí, lệ phí. Đồng thời, Ông H được quyền thực hiện các hoạt động đo vẽ, xác định vị trí nhà đất và các hoạt động, thủ tục khác liên quan đến tài sản: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 516, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại địa chỉ: Số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn ủy quyền đến khi hoàn thành nội dung ủy quyền hoặc giấy ủy quyền hết hiệu lực theo quy định của pháp luật và không có thù lao.

Căn cứ văn bản trình bày ý kiến của Văn phòng Công chứng CT và các tài liệu chứng cứ gửi kèm theo là hồ sơ công chứng ủy quyền lưu tại Văn phòng Công chứng CT gồm có: Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, Giấy ủy quyền công chứng, chứng minh nhân dân của bà T, Ông H, căn cứ vào nội dung ủy quyền xác định Văn phòng Công chứng CT đã thực hiện công chứng văn bản ủy quyền đúng với quy định tại Điều 40; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 48 của Luật Công chứng năm 2014 và Điều 562 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đơn phương chấm dứt Giấy ủy quyền: Qua lời trình bày của Bà Phan Thị Ngọc T là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, từ ngày được ủy quyền đến nay Ông H không thực hiện việc được ủy quyền là thực hiện thủ tục sang tên phần sở hữu tài sản của Ông H cho các con theo các Hợp đồng tặng cho mà Ông H đã ký công chứng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm Ông Nguyễn Trương Minh H cũng xác nhận ông được ủy quyền để thực hiện thủ tục sang tên phần sở hữu tài sản của Ông H cho các con theo các Hợp đồng tặng cho mà ông đã ký công chứng nhưng ông chủ động không thực hiện việc ủy quyền do ông không có sự tin tưởng đối với bà T.

Xét việc ủy quyền giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp ủy quyền không có thù lao, là hành vi pháp lý đơn phương của người ủy quyền, Ông H không thực hiện nghĩa vụ của bên được ủy quyền và đã được biết rõ về yêu cầu hủy bỏ việc ủy quyền. Do đó, căn cứ khoản Điểm d, khoản 1, Điều 140 thì “Đại

diện ủy quyền chấm dứt trong trường hợp người được đại diện đơn phương chấm dứt thực hiện việc ủy quyền” và khoản 1, Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Nếu ủy quyền không có thù lao, bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý” Ông H đã được bà T đã thông báo về việc hủy ủy quyền nhưng ông không đồng ý. Đối chiếu quy định của pháp luật có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy văn bản ủy quyền của nguyên đơn.

[2.1.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Ông H giao trả bản chính các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00671 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/7/2010 đối với nhà đất tại địa chỉ: số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc số 5584/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2007 đối với căn nhà đất tại địa chỉ: Số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, Ông H đã tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho 02 con là nên theo khoản 2, Điều 2 của Hợp đồng tặng cho số công chứng 010327, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 có quy định: *“Bên A (bên tặng cho) giao và bên B (bên được tặng cho) nhận bản chính chứng từ sở hữu sau khi hoàn tất thủ tục tặng cho một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở”*. Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền không tiếp tục giao bản chính chứng từ sở hữu cho Ông H để thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên được tặng cho buộc Ông H phải trả bản chính chứng từ sở hữu cho nguyên đơn để nguyên đơn thực hiện việc đăng theo quy định của pháp luật. Tòa án quận B chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại bản chính chứng từ sở hữu là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn phản tố yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho số công chứng 010327, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Hợp đồng số công chứng 010328, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của Văn phòng Công chứng CT.

Xét tính hợp pháp của 02 Hợp đồng tặng cho nêu trên:

Về hình thức: Đây là hợp đồng dân sự do hai bên thỏa thuận, giao kết bằng văn bản được Văn phòng Công chứng CT chứng thực đã tuân theo quy định tại Điều 402, Điều 457 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Văn phòng Công chứng CT đã thực hiện công chứng hợp đồng đúng với quy định tại Điều 40; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 48 của Luật Công chứng năm 2014 và Điều 402, Điều 457 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhà đất số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định Ông Nguyễn Trương Minh H là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản trên. Việc Ông Nguyễn Trương Minh H tặng cho toàn bộ phần tài sản thuộc quyền sở hữu của ông cho các con Nguyễn Minh N và Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T đại diện theo pháp luật là có căn cứ. Các Hợp đồng tặng cho đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và tự nguyện thỏa thuận, mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Phía bị đơn cho rằng bà T sẽ bán và thế chấp nếu ông tặng cho nhưng không đưa ra chứng cứ nào khác và chỉ đồng ý tặng cho trong trường hợp bà T cũng đồng ý tặng cho phần sở hữu của bà T nhưng bà T không đồng ý, đồng thời các Trẻ Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' cũng có nguyện vọng không đồng ý với ý kiến hủy Hợp đồng tặng cho của Ông H. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng hai Hợp đồng tặng cho số công chứng 010327, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 và Hợp đồng số công chứng 010328, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất, xét, thừa đất số 516, tờ bản đồ số 78, Phường M2, quận B có nguồn gốc của Ông Nguyễn Đình O và Bà Trương Thị M là cha mẹ của Ông H. Năm 2009, Ông H được cha mẹ tặng cho. Theo đơn trình bày của ông Nguyễn Đình O và Bà Trương Thị M là cha mẹ của Ông H gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận ý chí cho cả hai vợ chồng Ông H và bà T thừa đất số 516, tờ bản đồ số 78, Phường M2, quận Gò Vấp.

Căn cứ quyết định ly hôn số 789/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân quận B thì Ông H và bà T ly hôn vào ngày 27/6/2019. Về con chung giao bà T nuôi dưỡng, Ông H cấp dưỡng nuôi con cho cả hai con là 20 triệu đồng /01 tháng, tài sản chung tự thỏa thuận. Hai hợp đồng tặng cho 02 con nhà, đất số 010327 và số 010328 cùng ký ngày 01/6/2018 được giao kết trong thời gian Ông H và bà T đang trong thời kỳ hôn nhân.

Theo xác nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì đầu năm 2010 vợ chồng Ông H và bà T xây dựng nhà trên thửa đất số 516 tờ bản đồ 78 của cha mẹ cho bằng nguồn tiền chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Sau đó Ông H được cơ quan có thẩm quyền cấp GCN quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số BB 764653, sổ vào sổ CH00671 ngày 8/7/2020. Năm 2014-2015, vợ chồng Ông H và bà T có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng với mục đích sử dụng trong sinh hoạt gia đình nên đã cùng đứng tên vay trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nhà đất với Ngân hàng TMCP T1. Ông bà đã cùng thanh

toán và tất toán hết khoản nợ cho Ngân hàng. Điều này phù hợp với tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng TMCP T1 - CN B - Phòng Giao dịch H1 cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Việc nhập vào khối tài sản chung vợ chồng một lần nữa được Ông H tiếp tục xác nhận tặng cho “*một phần quyền sử dụng đất của Ông H*” cho hai con trong Hợp đồng tặng cho số công chứng 010328, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 do Văn phòng Công chứng CT chứng thực.

Có cơ sở xác định Ông H đã nhập tài sản được cha mẹ tặng cho vào tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại các Điều 33; Điều 37 và Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Năm 2018 tiến hành thủ tục tặng cho 02 con theo đúng trình tự thủ tục của pháp luật và ý chí tự nguyện của ông.

Thứ hai, căn cứ theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Dân sự 2015 thì Ông H và bà T là người đại diện theo pháp luật cho 02 con chưa thành niên. Khi Ông H tự nguyện tặng cho 02 con phần tài sản của mình trong khối tài sản chung với bà T và đồng ý để bà T đứng tên đại diện quản lý tài sản cho 02 con theo Hợp đồng tặng cho đã được công chứng chứng thực là hoàn toàn hợp pháp. Đối tượng nhận tài sản Ông H tặng cho là hai con, không có nội dung nào Ông H tặng cho chính mình như trình bày của Luật sư phía bị đơn. Bà T là người giám hộ và là người đại diện đương nhiên theo pháp luật cho 02 con chưa thành niên quản lý tài sản này. Bà T không cần phải có quyết định nào của cơ quan chức năng cho phép bà T là người đại diện theo pháp luật. Quan điểm của Ông H và luật sư cho rằng giữa Ông H và bà T không có thỏa thuận gì về việc bà T là người đại diện cho hai con là không phù hợp pháp luật và tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận và thống nhất với ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận B.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Do yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ án phí đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0026653 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 117, Điều 119, Điều 457, Điều 459, Điều 569, Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 5, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 55 của Luật Công chứng năm 2014.

- Điều 33, Điều 37 và Điều 46 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 169/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 43/2020/QĐ-SCBSBA ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân quận B.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trẻ Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh Ngọc do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật về việc yêu cầu: Hủy Giấy ủy quyền số công chứng 010329, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng CT chứng nhận ngày 01/6/2018 giữa Trẻ Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh Ngọc do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật và Ông Nguyễn Trương Minh H.

Buộc Ông Nguyễn Trương Minh H phải trả lại cho nguyên đơn Trẻ Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH00671 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/7/2010 đối với thửa đất số 516, tờ bản đồ số 78, tại địa chỉ số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc số 5584/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2007 đối với nhà đất số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp Ông Nguyễn Trương Minh H không trả các Giấy chứng nhận trên cho nguyên đơn thì căn cứ bản án này nguyên đơn có quyền liên hệ với cơ quan nhà

nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H về việc yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho số công chứng 010327, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với một phần quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 174 đường A, Phường M1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Hợp đồng số công chứng 010328, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2018 đối với một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 85/7 đường C, Phường M2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do Văn phòng Công chứng CT chứng nhận giữa Ông Nguyễn Trương Minh H và Trẻ Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh N' do Bà Phan Thị Ngọc T làm đại diện theo pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Phan Thị Ngọc T là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0001886 ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn Ông Nguyễn Trương Minh H phải chịu 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0025246 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trương Minh H còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trương Minh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào án phí đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0026653 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Huyền Phương

